

Số: 2558 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 7 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 127/TTr-SNN ngày 25/7/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố tại các số thứ tự 3, 4, 5 mục III, phần A Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HỒNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, CD ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Lưu: VT, KSTTHC5

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Tùng**



**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Kèm theo Quyết định số: **2558** /QĐ-UBND ngày **26/ 7**/2024 của Chủ tịch UBND TP)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (06 TTHC)**

| TT                               | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                           | Thời gian giải quyết |         | Địa điểm thực hiện                     | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện TTHC |                         |                            | Căn cứ pháp lý                                                                                 |
|----------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------|----------------------------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                  |            |                                                                                                                                    | Sở                   | UBND TP |                                        |                     | Trực tiếp                | Dịch vụ công trực tuyến | Dịch vụ bưu chính công ích |                                                                                                |
| I. Lĩnh vực Lâm nghiệp (01 TTHC) |            |                                                                                                                                    |                      |         |                                        |                     |                          |                         |                            |                                                                                                |
| 1                                | 1.012687   | Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý                                             | 35 ngày              | 20 ngày | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |
| II. Lĩnh vực Kiểm lâm (05 TTHC)  |            |                                                                                                                                    |                      |         |                                        |                     |                          |                         |                            |                                                                                                |
| 1                                | 1.012688   | Quyết định giao rừng cho tổ chức                                                                                                   | 30 ngày              | 05 ngày | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |
| 2                                | 1.012689   | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức                                                         | 10 ngày              | 10 ngày | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |
| 3                                | 1.012690   | Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý | 10 ngày              | 05 ngày | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                             | Thời gian giải quyết                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                     | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện TTHC |                         |                            | Căn cứ pháp lý                                                                                 |
|----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |            |                                                                                      | Sở                                                                                                                                             | UBND TP                                                                                                                                                                                                                    |                                        |                     | Trực tiếp                | Dịch vụ công trực tuyến | Dịch vụ bưu chính công ích |                                                                                                |
| 4  | 1.012691   | Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng                       | 15 ngày                                                                                                                                        | 05 ngày                                                                                                                                                                                                                    | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |
| 5  | 1.012692   | Quyết định điều chỉnh lại chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác | 25 ngày TH HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định                                                                                                   | 10 ngày đối với UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, quyết định                                                                                                                                                    | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |
|    |            |                                                                                      | 25 ngày TH diện tích rừng chuyên mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành | 1. 03 ngày đối với UBND TP có VB lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành.<br>2. 15 ngày đối với bộ, ngành tham gia ý kiến<br>3. 05 ngày đối với UBND TP sau khi nhận được ý kiến thống nhất của bộ, ngành trình HĐND thành phố |                                        |                     |                          |                         |                            |                                                                                                |



**2. Thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện (02 TTHC)**

| TT                             | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                      | Thời gian giải quyết |         | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện TTHC |                         |                            | Căn cứ pháp lý                                                                                 |
|--------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------|--------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                |            |                                                                                               | Huyện                | UBND TP |                    |                     | Trực tiếp                | Dịch vụ công trực tuyến | Dịch vụ bưu chính công ích |                                                                                                |
| I. Lĩnh vực Kiểm lâm (02 TTHC) |            |                                                                                               |                      |         |                    |                     |                          |                         |                            |                                                                                                |
| 1                              | 1.012694   | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân                    | 20 ngày              |         | UBND cấp huyện     | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |
| 2                              | 1.012695   | Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng | 20 ngày              |         | UBND cấp huyện     | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |

**3. Thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã (01 TTHC)**

| TT                             | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                          | Thời gian giải quyết                                                                         |         | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện TTHC |                         |                            | Căn cứ pháp lý                                                                                 |
|--------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                |            |                                                                   | Xã                                                                                           | Huyện   |                    |                     | Trực tiếp                | Dịch vụ công trực tuyến | Dịch vụ bưu chính công ích |                                                                                                |
| I. Lĩnh vực Kiểm lâm (01 TTHC) |            |                                                                   |                                                                                              |         |                    |                     |                          |                         |                            |                                                                                                |
| 1                              | 1.012693   | Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư | 1. 35 ngày thẩm định hồ sơ trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định<br>2. 10 ngày kể từ ngày | 05 ngày | UBND cấp xã        | Không quy định      |                          | Toàn trình              | Tiếp nhận và trả kết quả   | - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024;<br>- Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024. |

| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC | Thời gian giải quyết                                                     |       | Địa điểm thực hiện | Phí/lệ phí (nếu có) | Cách thức thực hiện TTHC |                         |                            | Căn cứ pháp lý |
|----|------------|----------|--------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------------|----------------|
|    |            |          | Xã                                                                       | Huyện |                    |                     | Trực tiếp                | Dịch vụ công trực tuyến | Dịch vụ bưu chính công ích |                |
|    |            |          | nhận được quyết định giao rừng của UBND cấp huyện, tổ chức bàn giao rừng |       |                    |                     |                          |                         |                            |                |

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (03 TTHC)

| TT                                      | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                             | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC                                                                                                                | Nội dung được sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Lĩnh vực Lâm nghiệp (02 TTHC)</b> |            |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                                       | 1.000084   | Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý | Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp | 1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý”<br>2. Mục 1. Trình tự thực hiện được sửa đổi, bổ sung các nội dung Bước 1, Bước 2, Bước 3.<br>3. Mục 3. Thành phần, số lượng hồ sơ được sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:<br>- Bản chính Tờ trình của chủ rừng;<br>- Bản chính Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, cụ thể:<br>+ Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng, khả năng tổ chức thực hiện và các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;<br>+ Thuyết minh sơ bộ phương án phát triển các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm: vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện;<br>+ Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tùy thuộc vào hiện trạng rừng từng khu vực, bảo đảm chức năng của khu rừng và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP; |



| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC                                                                                                                       | Nội dung được sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |            |                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                      | <p>+ Các giải pháp thực hiện đề án bao gồm: giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư; các giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá cho thuê môi trường rừng theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;</p> <p>+ Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;</p> <p>+ Bản đồ hiện trạng rừng của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000;</p> <p>+ Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000: xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có);</p> <p>+ Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>4. Mục 4. Thời hạn giải quyết được sửa đổi từ “50 ngày làm việc” thành “45 ngày”</p> <p>5. Mục 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi nội dung sau:<br/> Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp.<br/> Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> |
| 2  | 1.000081   | Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý | <p>Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp</p> | <p>1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý”</p> <p>2. Mục 1. Trình tự thực hiện được sửa đổi, bổ sung các nội dung Bước 1, Bước 2, Bước 3.</p> <p>3. Mục 3. Thành phần, số lượng hồ sơ được sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính Tờ trình của chủ rừng;</li> <li>- Bản chính Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều 23, Điều 32 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10, khoản 16 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, cụ thể:</li> </ul> <p>+ Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng, khả năng tổ chức thực hiện và các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| TT                                     | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                    | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC | Nội dung được sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                        |            |                                                             |                                                                | <p>+ Thuyết minh sơ bộ phương án phát triển các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm: vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện;</p> <p>+ Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tùy thuộc vào hiện trạng rừng từng khu vực, bảo đảm chức năng của khu rừng và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;</p> <p>+ Các giải pháp thực hiện đề án bao gồm: giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư; các giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá cho thuê môi trường rừng theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP;</p> <p>+ Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;</p> <p>+ Bản đồ hiện trạng rừng của khu rừng phòng hộ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000;</p> <p>+ Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng phòng hộ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000: xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có);</p> <p>+ Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy.</p> <p>4. Mục 4. Thời hạn giải quyết được sửa đổi từ “50 ngày làm việc” thành “45 ngày”</p> <p>5. Mục 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi nội dung sau:<br/> Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp.<br/> Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> |
| <b>II. Lĩnh vực Kiểm lâm (01 TTHC)</b> |            |                                                             |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1                                      | 3.000152   | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục | Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ        | <p>1. Mục 1. Trình tự thực hiện; Mục 3. Thành phần, số lượng hồ sơ: sửa đổi toàn bộ nội dung</p> <p>2. Mục 4. Thời hạn giải quyết sửa đổi nội dung sau:<br/> <b>Trường hợp Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |



| TT | Mã số TTHC | Tên TTHC  | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC                                                        | Nội dung được sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |            | đích khác | sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp | <p><b><i>dùng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</i></b></p> <p>- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>3. Mục 9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai bổ sung nội dung sau:</p> <p>- Đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (dùng cho tổ chức) theo Mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (dùng cho cá nhân) theo Mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>4. Mục 11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính sửa đổi nội dung sau:</p> <p>Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp.</p> <p>Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> |